TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2023/DS-PT
Ngày: 28/9/2023
V/v về tranh chấp về yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán*: Ông Phan Minh Dũng.

Ông Trần Bá Nguyên.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Vân-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp về yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện An Lão bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị H; cư trú tại: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Bùi Văn P, hoạt động tại Văn phòng L3; địa chỉ: F N thành phố Q, tỉnh Bình Định thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị C; cư trú tại: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị C: Ông Hồ Thành P1; Địa chỉ: E L, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 02 năm 2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Trương Thị V; cư trú tại: Đ, thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B;địa chỉ trụ sở: Số H đường H, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp: Ông Đặng Hữu B. Chức vụ: Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 09/GUQ-STNMT ngày 09 tháng 11 năm 2021); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; địa chỉ trụ sở: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp: Ông Trần Nam T - Chức vụ: Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân xã A, huyện A, tỉnh Bình Định là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 10 năm 2021); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị S.

+ Bà Trương Thị L.

+ Ông Trương Minh N.

Cùng cư trú tại: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định.

+ Ông Trương Minh L1; cư trú tại: Số nhà A đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

+ ÔngTrương Minh Đ; cư trú tại: Số nhà A đường B, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của bà Trần Thị S, bà Trương Thị L, bà Trương Thị V, ông Trương Minh N, ông Trương Minh L1, ông Trương Minh Đ1: Bà Trương Thị H; cư trú tại: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/11/2021, ngày 09/11/2021, ngày 25/11/2021 và ngày 28/12/2021); có mặt.

9. Ông Đỗ Đình A; cư trú tại: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

10. Ông Văn Phụng A1; vắng mặt.

11. Bà Lê Thị Bích N1; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo*: Bà Trương Thị H là nguyên đơn, ông Trương Minh Đ1, ông Trương Minh L1, bà Trương Thị V, ông Trương Minh N, bà Trương Thị L và bà Trần Thị S là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H trình bày:

Cha của nguyên đơn là ông Trương Minh L2 (chết năm 2016) và mẹ của nguyên đơn là bà Trần Thị S, trong thời kỳ hôn nhân có với nhau 06 người con gồm: Bà Trương Thị L, bà Trương Thị V, bà Trương Thị H, ông Trương Minh N, ông Trương Minh L1 và ông Trương Minh Đ1. Quá trình sinh sống, cha mẹ của nguyên đơn được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện A cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng (GCNQSD) đất tại 02 thửa đất cụ thể: Thửa đất lô số 4a, 4b tiểu khu D, tờ bản đồ địa hình hệ chiếu UTM, diện tích 5,44 ha, đất trồng rừng sản xuất (RSM) tọa lạc tại khu vực N, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định, số cấp GCNQSDĐ: H00640 do UBND huyện A cấp ngày 26/3/2008; thửa đất lô số 18^{A}, tiểu khu C, tờ bản đồ địa hình hệ chiếu UTM, diện tích 20,56 ha, đất trồng rừng sản xuất (RSM) tọa lạc tại khu vực N, thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định, số cấp GCNQSDĐ: H00639 do UBND huyện A cấp ngày 26/3/2008. Đến năm 2016, cha của nguyên đơn chết nhưng không để lại di chúc.

Đến tháng 4/2019, mẹ của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn bà Nguyễn Thị C chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất 4a, 4b tiểu khu D và một phần diện tích 7,56ha thuộc lô số 18^{A}, tiểu khu C cho bị đơn. Tổng diện tích mẹ của nguyên đơn chuyển cho bị đơn là 13ha, nhưng ông Đỗ Đình A (chồng của bị đơn) nói với mẹ của nguyên đơn là đưa 02 giấy CNQSD đất để nhập vào rồi tách ra mỗi giấy là 13ha, vì hai diện tích này giáp và gắn liền với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian thỏa thuận không biết lý do gì mà bị đơn tự ý lập Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất nói trên và được UBND xã A chứng thực vào ngày 10/9/2019. Tổng diện tích mà bị đơn làm Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất là 26ha, trên thực tế mẹ của nguyên đơn chỉ chuyển nhượng cho bị đơn là 13ha, còn 13ha do nguyên đơn trực tiếp quản lý trồng cây từ trước tháng 9/2019. Cho thấy 02 Hợp đồng chuyển nhượng trên là giả mạo, vì chữ ký trong 02 hợp đồng này là không phải chữ ký của mẹ nguyên đơn. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/9/2019 đến ngày 12/9/2019 mẹ của nguyên đơn đang điều trị mắt tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên không thể nào mẹ của nguyên đơn ký được 02 Hợp đồng trên. Đồng thời tài sản này là tài sản chung của cha mẹ nguyên đơn, sau khi ba của nguyên đơn chết tài sản này vẫn chưa chia cho các đồng thừa kế, nhưng chỉ có một mình mẹ của nguyên đơn ký tên trong Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất là xâm phạm đến quyền thừa kế của nguyên đơn và các anh chị em của nguyên đơn. Sau khi được UBND xã A chứng thực 02 Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất thì bị đơn đã lập thủ tục xin cấp đổi GCNQSDĐ và được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận đối với 02 thửa đất nêu trên là số CS080449 và số CS08085 cùng ngày 21/10/2019.

Đối với văn bản phân chia tài sản thừa kế mà UBND xã A chứng thực ngày 20/10/2017 không có chữ ký chị của nguyên đơn là bà Trương Thị V nên đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy toàn bộ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 184/2019,

quyển số: 01/2019 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 10/9/2019 tại UBND xã A và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 185/2019, quyển số: 01/2019 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 10/9/2019 tại UBND xã A giữa bà Trần Thị S và bà Nguyễn Thị C; hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08049 và CS08058 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị C vào ngày 21/10/2019 và hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế của gia đình bà đã được UBND xã A chứng thực ngày 20/10/2017.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà Trần Thị S (mẹ của nguyên đơn) cần tiền mua đất cho con nên có bán cho bị đơn và bà Lê Thị Bích N1 02 diện tích đất tại thửa đất lô số 4a, 4b tiểu khu D, tờ bản đồ địa hình hệ chiếu UTM, diện tích 5,44ha, địa chỉ thửa đất tại khu vực N, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; thửa đất lô số 18^{A}, tiểu khu C, tờ bản đồ địa hình hệ chiếu UTM, diện tích 20,56ha, địa chỉ thửa đất tại khu vực N, thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định với số tiền 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Ngày 04/4/2019, bà Trần Thị S và con của bà là Trương Minh N có đến nhà của bị đơn trực tiếp nhận số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) và giao giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đất số lô 18^{A}, còn 100.000.000đ thì khi nào bà S giao giấy chứng nhận QSD đất tại thửa lô đất số 4a, 4b thì thì bị đơn đưa tiếp. Đến ngày ngày 10/4/2019, bà S mang giấy chứng nhận QSD đất của thửa đất 4a, 4b giao cho bị đơn và bà N1, bị đơn nhận và tiếp tục giao số tiền là 100.000.000đ, lần giao tiền sau này chỉ có 1 mình bà S không có con của bà đi cùng, bà S trực tiếp nhận và viết vào mặt sau giấy nhận tiền đề ngày 04/4/2019. Hai bên đã thực hiện việc mua bán xong, bị đơn đã giao đủ số tiền là 800.000.000đ mua 02 rẫy nói trên, đồng thời bà S giao 02 giấy chứng nhận QSD nói trên cho bị đơn. Tờ giấy nhận tiền này là do ông Văn Phụng A1 (chồng bà Lê Thị Bích N1) ở thôn X, xã A trực tiếp viết giấy mua bán giữa bị đơn, bà N1 với bà S, viết tại nhà bị đơn. Nội dung trong giấy nhận tiền ghi rõ là bà S bán cho bị đơn và bà N1 02 rẫy keo với diện tích đã nêu trên với số tiền là 800.000.000đ. Bị đơn đã đưa cho bà S 700.000.000đ và bà S đã giao cho bị đơn GCNQSDĐ của diện tích đất rẫy 20,56 ha, còn 100.000.000đ bà S nhận vào ngày 10/4/2019 sau khi giao tiếp GCNQSDĐ diện tích 5,44 ha cho bị đơn, ông Văn P2 Anh viết tờ giấy mua bán đất và đã thông qua cho các bên cùng nghe và thống nhất ký tên, bà S và anh N không có ý kiến gì và cùng ký tên. Các bên đã thực hiện việc mua bán xong đến ngày 12/4/2019, vợ chồng bị đơn và vợ chồng ông Văn Phụng A1 có lập biên bản họp bàn, thống nhất góp vốn mua rẫy của bà Trần Thị S đầu tư trồng cây keo lai. Theo biên bản thỏa thuận thì các bên thống nhất giao cho 1 mình bị đơn đứng tên khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thỏa thuận của hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, không có tranh chấp gì với nhau. Do đó, trong giấy nhận tiền có bị đơn và bà Lê Thị Bích N1 ký tên người mua nhưng theo lời trình bày trên thì vợ chồng bị đơn và vợ chồng ông V1 phụng A, bà Lê Thị Bích N1 đã thống nhất để mình bị đơn đứng tên, mọi quyền lợi của việc mua chung 02 đám rẫy của bà S thì vợ chồng bị đơn và vợ chồng ông Văn Phụng A1 tự giải quyết lấy, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi thực hiện việc mua bán đất rẫy xong, bị đơn tiến hành đến UBND xã A, huyện A thực hiện chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng chỉ đưa giá của 02 thửa đất là 390.000.000đ (Ba trăm chín mươi triệu đồng) nhằm tránh đóng thuế cao. Ngày 10/9/2019, thì UBND xã A đã chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị đơn và bà S. Hợp đồng chuyển nhượng làm xong bị đơn mang đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện A nộp để sang tên 02 diện tích đất nói trên đứng tên bị đơn và đến ngày 21/10/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn theo giấy chứng nhận số CR 838757, số vào sổ cấp GCN: CS08058 với diện tích 54391,5 m^2 và giấy chứng nhận số CR 806014, số vào sổ cấp GCN: CS08049 với diện tích 205.600,0 m^2. Sau đó bị đơn tiến hành trồng cây keo lai, từ cuối năm 2019 đến nay, bị đơn không nhớ tháng nào thì giữa bị đơn và nguyên đơn xảy ra tranh chấp đòi lại đất mà bà S đã bán cho bị đơn.Việc mua bán đất giữa bị đơn và bà N1 với bà Trần Thị S là trên cơ sở tự nguyện, bà S cần tiền bán thì bị đơn mua, có ông Trương Minh N là con đẻ bà S đến nhà bị đơn viết giấy nhận tiền và cùng ký tên vào giấy nhận tiền và bị đơn đã giao đủ tiền cho bà S nên bà S mới giao 2 giấy chứng nhận QSD đất cho bị đơn và đã thực hiện làm hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và đã được UBND xã A chứng thực vào ngày 10/9/2019.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy 02 Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và hủy 02 giấy chứng nhận QSD đất mà Sở T đã cấp cho bị đơn và hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế của gia đình nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý, vì việc mua bán đất là trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã A, huyện A chứng thực đúng quy định của pháp luật và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Trương Thị V trình bày:

Bà là chị ruột của nguyên đơn, còn bị đơn thì bà không quen biết, bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và bà cho rằng, bà là con trong gia đình ông Trương Minh L2, mẹ bà Trần Thị S, nhưng trong văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 20/10/2017 được chứng thực tại UBND xã A thiếu chữ ký của bà, thiếu pháp lý, nội dung sai sự thật, nội dung ghi trong văn bản phân chia thừa kế có mẹ bà cho tài sản cho anh chị em bà từ lúc lập gia đình riêng. Để đảm bảo quyền và lợi ích cho bà, bà yêu cầu Tòa án giải quyết hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 20/10/2017. Hiện nay bà ở xa, nên bà ủy quyền cho nguyên đơn thay mặt bà toàn quyền quyết định những nội dung liên quan đến vụ án. Mọi quyết định của nguyên đơn bà hoàn toàn đồng ý.

Đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ông Đặng Hữu B trình bày:

Ngày 26/3/2008, ông Trương Minh L2 và bà Trần Thị S được UBND huyện A cấp 02 Giấy chứng nhận QSD đất có vào sổ cấp GCN: H00639 tại thửa đất lô số 18^A, tiểu khu C, tại bản đồ địa hình hệ chiếu UTM, diện tích 20,56ha đất rừng sản xuất, địa chỉ tại khu N, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định và cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số GCN: H00640 tại thửa đất thuộc lô số 4a, 4b, tiểu khu D, tờ bản đồ địa hình hệ chiếu UTM, diện tích 5,44ha đất rừng sản xuất, địa chỉ tại khu N, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định.

Ngày 23/11/2017, bà Trần Thị S đăng ký biến động do nhận thừa kế toàn phần quyền sử dụng đất tại 02 giấy chứng nhận nêu trên tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện A. Thành phần hồ sơ gồm: 02 Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; 02 giấy chứng nhận QSD đất; văn bản phân chia tài sản thừa kế đã công chứng theo quy định và các loại tờ khai kê thuế. Trên cơ sở của hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện A đã chuyển thông tin địa chính cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và các cá nhân liên quan cũng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Ngày 30/10/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A tiến hành chỉnh lý biến động chuyển quyền trên 02 giấy chứng nhận QSD đất nêu trên đối với lô đất cho bà S do nhận thừa kế theo quy định.

Sau đó ngày 10/9/2019, bà S chuyển nhượng 02 lô đất trên cho bà Nguyễn Thị C tại 02 hợp đồng số 184, 185/2019 TP/CC-SCT-HĐGD. Ngày 11/9/2019, bà Nguyễn Thị C nộp 02 hồ sơ đăng ký biến động chuyển nhượng QSD đất tại 02 thửa đất trên tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết qủa huyện A. Thành phần hồ sơ gồm: 02 Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; 02 giấy chứng nhận QSD đất; 02 hợp đồng chuyển nhượng đã công chứng theo quy định và các loại tờ kê khai thuế. Trên cơ sở của hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A đã chuyển thông tin địa chính cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và các cá nhân liên quan cũng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

Căn cứ quy định tại Điều 188 Luật Đất đai 2013; Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T2; khoản 1 Điều 17 Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh B. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận do nhận quyền chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị C đủ điều kiện cấp đổi Giấy chứng nhận theo quy định. Ngày 21/10/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (Ủy quyền cho Giám đốc Văn phòng Đ) cấp 02 giấy chứng nhận có số seri CR806014, số vào sổ cấp GCN CS08049 tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 1(672), diện tích 205600,0m^2 đất rừng sản xuất; Giấy chứng nhận có số seri CR 838757, số vào sổ cấp GCN CS08058 tại thửa đất số 364, tờ bản đồ số 1(672), diện tích 54391,5m^2 đất rừng sản xuất cho bà Nguyễn Thị C đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Đại diện theo ủy quyền của UBND xã A, huyện A, ông Trần Nam T trình bày:

Ngày 20/10/2017, UBND xã A tiếp nhận hồ sơ văn bản phân chia tài sản thừa kế của bà Trần Thị S do ông Trương Minh N là con đẻ của bà Trần Thị S nộp, hồ sơ gồm: Văn bản phân chia thừa kế, giấy báo tử mang tên Trương Minh L2, giấy báo tử mang tên Lê Thị D, bản khai lý lịch trích ngang (dùng để xác định hàng thừa kế), 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy Chứng minh

nhân dân mang tên Trần Thị S, Trương Thị L, Trương Thị H, Trương Minh N, Trương Minh L1 và Trương Minh Đ1, sổ hộ khẩu mang tên Trần Thị S. Sau khi tiếp nhận hồ sơ thì UBND xã A kiểm tra hồ sơ, xác nhận chữ ký của từng thành viên trong bản khai lý lịch trích ngang và văn bản phân chia tài sản thừa kế là đúng quy định pháp luật nên UBND xã A đã chứng thực văn bản vào số chứng thực số 147/2017, quyển số 01/2017/TP/CC-SCT/HDGD. Việc thực hiện chứng thực văn bản trên hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Ngày 10/9/2019, bà Nguyễn Thị C và bà Trần Thị S đến UBND xã A yêu cầu chứng thực hai hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bà C với bà S. Hồ sơ gồm: 02 hợp đồng chuyển nhượng QSD đất, 02 giấy chứng nhận QSD đất, 02 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị S và Nguyễn Thị C, 02 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị C và Trần Thị S. UBND xã A tiếp nhận, qua kiểm tra hồ sơ xác nhận chữ ký của hai bên đúng quy định của pháp luật nên UBND xã A tiến hành thực hiện chứng thực 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Trần Thị S chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị C, theo số chứng thực số 184 và 185, quyển số 01/2019/TP/CC-SCT/HDGD. Căn cứ pháp lý để UBND xã A chứng thực hai đồng này là vì bà Trần Thị S đã có văn bản phân chia tài sản thừa kế của gia đình, gia đình bà đã thống nhất giao cho bà S quyền định đoạt, quyết định tài sản chung của gia đình. Thời điểm bà S ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà C là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và thực hiện chữ ký trước sự chứng kiến của UBND xã A.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, hủy 02 giấy chứng nhận QSD đất đã được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bị đơn, vì nguyên đơn cho rằng không có chữ ký của nguyên đơn trong hợp đồng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Bà Trương Thị V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng bà được hưởng phần tài sản thừa kế của ba bà nhưng bà không có tên trong bản phân chia tài sản nên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà, do đó bà yêu cầu Tòa án hủy văn bản phần chia tài sản thừa kế do gia đình bà lập đã dược UBND xã A chứng thực. Việc yêu cầu trên là hoàn toàn không có cơ sở để chấp nhận mong Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị S trình bày:

Vào lúc 19 giờ ngày 04/4/2019, bà có đến nhà ông Đỗ Đình A, tại nhà ông A có ông A, bà C (vợ ông A), ông Văn Phụng A1, bà N1 (vợ ông A1) và ông Thái Lý N2. Tại đây bà và ông A, bà C, ông A1 và bà N1 thỏa thuận thống nhất, bà bán đất lâm nghiệp tại tục danh N thuộc thôn X, xã A, huyện A. Vợ chồng bà được UBND huyện A cấp giấy CNQSD đất 02 rẫy tại tục danh Núi Bằng Tranh: 01 rẫy diện tích 20,56ha, 01 rẫy diện tích 5,44ha, bà bán ½ diện tích là 13ha với giá 800.000.000đ cho bà C và bà N1. Lúc này ông A nói rẫy có diện tích 20,56ha không tách sổ 13ha, rẫy 5,44ha cũng không đủ, ông A nói bà giao 02 giấy chứng nhận QSD đất để ông nhập vào thành 1 sổ và sau đó thì chia làm 2 mỗi người 1/2 , bà 13ha, bà C và bà N1 13ha. Vì thời điểm này diện tích đất rẫy 5,44h bà đang thế chấp tại Ngân hàng nên bà C và bà N1 giao tiền chỉ đưa bà 700.000.000đ, còn 100.000.000đ khi nào bà giao giấy CNQSD đất rẫy 5,44ha

thì 02 người sẽ đưa số tiền còn lại. Vì mắt của bà đau không thể đọc và đếm tiền nên bà có gọi con bà là ông Trương Minh N đến nhận tiền, ông A có viết tờ giấy nhận tiền là bán 800.000.000đ đưa trước 700.000.000đ, còn lại 100.000.000đ khi nào bà giao giấy chứng nhận QSD đất rẫy diện tích 5,44ha thì sẽ nhận, ông A nói bà ký vào tờ giấy ông A ghi, bà nói cho bà mượn mắt kính thì ông A nói "chị ký đi chúng tôi không làm sai", bà tin tưởng nên ký vào. Sau đó bà gọi con bà là ông N đến nhận tiền, ông N đếm tiền xong nói bà ký vào tờ giấy ông A ghi sau đó anh N mới ký chứ con bà cũng không đọc tờ giấy nhận tiền bán rẫy. Sau đó bà đã trả tiền cho Ngân hàng và đã lấy Giấy CNQSD đất rẫy 5,44ha đem đến nhà bà N1 đưa và nhận 100.000.000đ. Sau đó bà đi chữa trị túi mật và mắt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà không nhớ rõ sau khi chữa trị túi mật hay mắt về thì bà Nguyễn Thị C có đến nhà bà nói với bà cùng đến UBND xã A ký giấy, bà hỏi giấy gì thì bà C nói hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà đi với bà C đến UBND xã A, tại phòng làm việc của ông Trần Nam T bà có ký vào hợp đồng do ông T đưa nhưng không đọc nội dung. Còn đối với văn bản phân chia tài sản thừa kế do UBND xã A chứng thực ngày 20/10/2017 thì bà không nhớ, không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Phụng A1 và bà Lê Thị Bích N1 cùng trình bày: Ông bà không có bà con họ hàng thân thích gì với nguyên đơn và bị đơn, ông bà chỉ quen biết 02 người này vì cùng ở xã A.

Trong thời gian tháng 4/2019, bà Trần Thị S cần tiền nên có bán 02 đám đất rẫy tại thửa đất lô số 4a, 4b tiểu khu D, tờ bản đồ địa hình hệ chiếu UTM, diện tích 5,44ha, địa chỉ thửa đất tại khu vực N, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; thửa đất lô số 18^{A}, tiểu khu C, tờ bản đồ địa hình hệ chiếu UTM, diện tích 20,56ha, địa chỉ thửa đất tại khu vực N, thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định với số tiền 800.000.000đ (T1 trăm triệu đồng) nên vợ chồng ông bà với vợ chồng ông Đỗ Đình A thống nhất hùn hạp với nhau mua 02 đám đất rẫy của bà S. Ngày 04/4/2019, bà Trần Thị S và con của bà là ông Trương Minh N có đến nhà bà Nguyễn Thị C nhận số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) và giao giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đất số lô 18^{A}, còn 100.000.000đ thì khi nào bà S giao giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đất số 4a, 4b thì vợ chồng bà và bà C đưa tiếp, cách vài ngày sau là ngày 10/4/2019 bà S mang giấy chứng nhận QSD đất còn lại đến cho vợ chồng ông bà và vợ chồng ông A, các ông bà nhận giấy chứng nhận còn lại và tiếp tục giao đủ số tiền là 100.000.000đ, lần giao tiền sau này chỉ có 1 mình bà S không có con của bà đi cùng. Các bên đã thực hiện việc mua bán xong đến ngày 12/4/2019, vợ chồng ông bà và vợ chồng ông Đỗ Đình A có lập biên bản họp bàn, thống nhất góp vốn mua rẫy của bà Trần Thị S đầu tư trồng keo lai. Theo biên bản thỏa thuận thì các ông bà thống nhất giao cho 1 mình vợ ông A là bà Nguyễn Thị C đứng tên khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thỏa thuận của hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, không có tranh chấp gì với nhau. Do đó, trong giấy nhận tiền có tên bà là Lê Thị Bích N1 ký tên người mua nhưng theo lời trình bày trên thì vợ chồng ông bà đã thống nhất với vợ chồng ông A để mình bà Nguyễn Thị C là vợ ông Đỗ Đình A đứng tên, các

ông bà không có yêu cầu hay ý kiến gì về việc vì sao mỗi 1 mình bà C đứng tên trong khi các ông bà mua chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị C thì ông bà hoàn toàn không thống nhất, vì việc mua bán giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và thực hiện việc lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật, mong Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đình A trình bày:

Ông không có bà con họ hàng thân thích gì với nguyên đơn và bà Trần Thị S, ông chỉ quen biết 02 người này vì cùng ở xã A. Còn bị đơn là vợ của ông. Ông thống nhất với ý kiến và trình bày của bà Nguyễn Thị C.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 184 và 185, quyển số 01/2019/TP/CC-SCT/HDGD ngày 10/9/2019; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri CR806014, số vào sổ cấp GCN CS08049 tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 1(672), diện tích 205600,0m^2 đất rừng sản xuất; Giấy chứng nhận có số seri CR 838757, số vào sổ cấp GCN CS08058 tại thửa đất số 364, tờ bản đồ số 1(672), diện tích 54391,5m^2 đất rừng sản xuất được sở T cấp cho bà Nguyễn Thị C vào ngày 21/10/2019 và hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế do UBND xã A, huyện A, tỉnh Bình Định chứng thực ngày 20/10/2017.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị V về yêu cầu hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế do UBND xã A, huyện A, tỉnh Bình Định chứng thực ngày 20/10/2017, số chứng thực 141/2017; quyển số 01/2017(1)-SCT/HĐ,GD.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, bà Trương Thị H là nguyên đơn, ông Trương Minh Đ1, ông Trương Minh L1, bà Trương Thị V, ông Trương Minh N, bà Trương Thị L và bà Trần Thị S là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết: Hủy toàn bộ vụ án số: 04/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2023 bà H có bổ sung yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm: Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 184/2019, quyển số: 01/2019 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 10/9/2019 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 185/2019, quyển số: 01/2019 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 10/9/2019 do UBND xã A chứng thực; hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08049 và CS08058 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho bị đơn vào ngày 21/10/2019 và hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế của gia đình nguyên đơn đã được UBND xã A chứng thực. Yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà Trần Thị s trong giấy

nhận tiền ngày 04/4/2019, giám định chữ viết, chữ ký của bà Trương Thị H trong bản phân chia tài sản thừa kế ngày 07/11/2017 và ngày 04/7/2018, giám định tuổi mực văn bản phân chia thừa kế ngày 20/10/2017.

Luật sư Bùi Văn P trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà bà Trương Thị H là nguyên đơn, ông Trương Minh Đ1, ông Trương Minh L1, bà Trương Thị V, ông Trương Minh N, bà Trương Thị L và bà Trần Thị S. Hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm vi phạm về thẩm quyền xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính, thì xem xét việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, nhưng HĐXX Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước lại đưa ra xem xét và quyết định về vấn đề này là vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án, lẽ ra HĐXX cấp phúc thẩm phải hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nêu trên. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không làm thay đổi nội dung vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án nên HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, nhưng đề nghị Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm về vấn đề này, tránh để xảy ra tình trạng tương tự.

[2] Xét kháng cáo của bà Trương Thị H, ông Trương Minh Đ1, ông Trương Minh L1, bà Trương Thị V, ông Trương Minh N, bà Trương Thị L và bà Trần Thị S, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về yêu cầu Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định: Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý, xác minh, thu thập, xem xét, đánh giá chứng cứ và giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, bảo đảm công bằng xã hội nên kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu giám định: Tại cấp phúc thẩm, bà Trương Thị H có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà Trần Thị s trong giấy nhận tiền ngày 04/4/2019, giám định chữ viết, chữ ký của bà Trương Thị H trong bản phân chia tài sản thừa kế ngày 07/11/2017 và ngày 04/7/2018, giám định tuổi mực văn bản phân chia thừa kế ngày 20/10/2017. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp

sơ thẩm, bà H đã rút yêu cầu giám định, tại phiên tòa sơ thẩm bà H lại có yêu cầu, nhưng không được cấp sơ thẩm chấp nhận. Xét thấy, cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 96 và khoản 1 Điều 102 của Bộ luật tố tụng dân sự, không xem xét giải quyết yêu cầu giám định của bà H là có căn cứ. Hơn nữa, theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự thì trong phạm vi xét xử của mình, cấp phúc thẩm cũng không có căn cứ để giải quyết yêu cầu trên của bà H nên kháng cáo của bà H về phần này không được HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Xét thấy, việc bà Trương Thị V không có tên trong Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 20/10/2017 là hoàn toàn do lỗi của bà Trần Thị S, bà Trương Thị L, Trương Minh N, Trương Minh L1, Trương Minh Đ1 và bà Trương Thị H. Vì ông N là người đã trực tiếp đến UBND xã A nộp và yêu cầu UBND xã A chứng thực lý lịch trích ngang với mục đích xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương Minh L2 do bà S là người khai. Bà S đã khẳng định B1 khai lý lịch trích ngang do bà khai là đúng, đầy đủ và cam đoan sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai báo của mình nên UBND xã A mới chứng thực văn bản này. Việc UBND xã A chứng thực văn bản này hoàn toàn đúng quy định của pháp luật vì do bà S khai báo gian dối nên UBND xã A không biết ông L2, bà S còn có một người con nữa là bà V. Hơn nữa, các thành viên trong gia đình bà S cũng đã cam đoan những thông tin ghi trong Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 20/10/2017 là đúng sự thật và khẳng định ngoài bà S, ông N, bà H, ông L1, bà L, ông Đ1 thì ông Trương Minh L2 không còn người thừa kế nào khác nên UBND xã A mới chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế của gia đình bà S. Như vậy, văn bản phân chia tài sản thừa kế chỉ có hiệu lực đối với phần tài sản của bà S, ông N, bà H, ông L1, bà L, ông Đ1 và vô hiệu đối với phần tài sản thừa kế của bà V, dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 184/2019 và 185/2019 chứng thực quyển số: 01/2019 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 10/9/2019 tại UBND xã A, huyện A, tỉnh Bình Định giữa bà Trần Thị S và bà Nguyễn Thị C bị vô hiệu một phần. Tuy nhiên, bà S đã thừa nhận lần thứ nhất cùng với ông N đến nhà bà C ký vào các hợp đồng và nhận của bà C 700.000.000 đồng, lần thứ hai một mình bà S đến nhận thêm 100.000.000 đồng và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại cho bà C. Hơn nữa, bà C đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp: CS08049 và CS08058 ngày 21/10/2019 nên cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 133 của Bộ luật dân sự không chấp các yêu cầu trên là đúng quy định của pháp luật. Đối với quyền và lợi ích hợp pháp của mình, thì bà V có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu những người có lỗi, được lợi trong việc không đưa tên bà vào Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 20/10/2017 bồi thường, theo đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Về yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 quy định cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp: "… *Người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển*

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai…" nên theo hướng dẫn hướng dẫn tại tiểu mục 2 mục II Công văn số: 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính và hướng dẫn tại mục II Giải đáp số: 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải đáp một số vấn đề về tố tụng hành chính, tố tụng dân sự thì đối với vụ án này, Tòa án không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vẫn đảm bảo giải quyết tranh chấp đúng đắn và bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo Kháng cáo của kháng cáo của bà H, ông Đ1, ông L1, bà V, ông N, bà L và bà S là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà H, ông Đ1, ông L1, bà V, ông N, bà L và bà S mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 130, 131, khoản 2 Điều 133, các Điều 613, 649, 650, 651, 656, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không Chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị H, ông Trương Minh Đ1, ông Trương Minh L1, bà Trương Thị V, ông Trương Minh N, bà Trương Thị L và bà Trần Thị S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 10 tháng 05 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 184 và 185, quyển số 01/2019/TP/CC-SCT/HDGD ngày 10/9/2019; hủy giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số seri CR806014, số vào sổ cấp GCN CS08049 tại thửa đất số 363, tờ bản đồ số 1(672), diện tích 205600,0m^2 đất rừng sản xuất; Giấy chứng nhận có số seri CR 838757, số vào sổ cấp GCN CS08058 tại thửa đất số 364, tờ bản đồ số 1(672), diện tích 54391,5m^2 đất rừng sản xuất được sở T cấp cho bà Nguyễn Thị C vào ngày 21/10/2019 và hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế do UBND xã A, huyện A, tỉnh Bình Định chứng thực ngày 20/10/2017.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị V về yêu cầu hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế số chứng thực: 141/2017, quyển số: 01/2017-SCT/HĐ,GD do UBND xã A, huyện A, tỉnh Bình Định chứng thực ngày 20/10/2017.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 0001025; 13/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Bà Trương Thị V phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 0001135; 28/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Trương Thị H, ông Trương Minh Đ1, ông Trương Minh L1, bà Trương Thị V, ông Trương Minh N, bà Trương Thị L và bà Trần Thị S mỗi người phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 0001002; 0001003; 0001004; 0001005; 0001148; 0001149; 0001150 ngày 27/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

4.3 Chi phí tố tụng khác: Bà Trương Thị H phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C 15.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án jdân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện An Lão;
- CCTHADS huyện An Lão;
- Các đương sự;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan minh Dũng Trần Bá Nguyên Võ Công Phương